
CÔNG TY CP KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2010	8 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2010	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2010	11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2010	12 - 27

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn tiền thân là Công ty Kinh doanh Thủy Hải sản - Doanh nghiệp nhà nước, trực thuộc Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn.

Công ty được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Kinh doanh Thủy Hải sản theo Quyết định số 2399/QĐ-UBND ngày 26 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103005759 ngày 20 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã bốn (04) lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi số 0300523755. Thay đổi lần thứ tư (04) gần đây nhất (ngày 23 tháng 12 năm 2009) về việc thay đổi cơ cấu, bổ sung cổ đông Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Cổ đông	Số cổ phần	Vốn cổ phần	Tỷ lệ (%)
Đại diện vốn Nhà nước - Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn. Đại diện:	2.640.198	26.401.980.000	30,00
- Ông Đào Xuân Đức			
- Ông Nguyễn Anh Tùng			
- Ông Trương Tiến Dũng			
Đại diện vốn cổ đông:			
- Ông Trần Phát Minh	3.207.602	32.076.020.000	36,45
- Ông Tạ Bá Thuyết	500.000	5.000.000.000	5,68
- Các cổ đông khác	2.452.200	24.522.000.000	27,87
Cộng	8.800.000	88.000.000.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại : (84 - 8) 37 541 810

Fax : (84 - 8) 38 754 808

Mã số thuế : 0 3 0 0 5 2 3 7 5 5

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Xí nghiệp Đông lạnh Thăng Lợi	Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Xí nghiệp chế biến Thực phẩm Thủy sản Chợ Lớn	Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Trung tâm Kinh doanh và Dịch vụ APT	Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Xí nghiệp chế biến Thực phẩm Thủy sản Bình Thới	Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Xí nghiệp Kinh doanh Nuôi trồng Thủy sản	Lô 4-6-8, đường số 1A, Khu công nghiệp Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Các đơn vị trực thuộc của Công ty hoạt động theo phương thức hạch toán báo sổ.

Hoạt động chính của Công ty:

- Nuôi trồng thủy sản;
- Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản;
- Mua bán, chế biến thủy hải sản;
- Gia công các mặt hàng thủy hải sản;
- Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc;
- Chế biến nước mắm, nước chấm;
- Sản xuất nước đá;
- Gia công hàng may mặc, các sản phẩm bằng kim loại;
- Sản xuất, mua bán gas NH₃;
- Sản xuất các loại cấu kiện từ panel, nhựa xốp, gia công lắp ráp các nhà kho chứa, kho lạnh, khung nhà tiền chế, các loại vách ngăn cách nhiệt, các tấm trần bằng cấu kiện panel và tole trần nhựa, các loại bao bì, các loại hộp thực phẩm và thức ăn bằng nhựa xốp;
- Mua bán xăng, dầu, nhớt các loại;
- Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến;
- Mua bán bao bì, panel nhựa xốp;
- Mua bán cấu kiện, thiết bị lạnh;
- Mua bán thực phẩm, công nghệ phẩm, kim khí, điện máy, xe máy, vật tư phục vụ sản xuất, nông sản, phương tiện vận tải chuyên dùng;
- Mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu ngư lưới cụ, rượu;
- Ăn uống, nhà nghỉ, massage, xông hơi, sân tennis;
- Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu, sửa chữa cơ điện lạnh;
- Cano lướt ván, chèo thuyền, câu cá, giải trí;
- Cho thuê kho, bãi.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 27).

SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2010 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Do ảnh hưởng biến động lớn của giá vàng thế giới và trong nước, khoản vay ngắn hạn 5.833 lượng vàng SJC (tương đương với số tiền là 103.010.780.000 VND) của Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Chợ Lớn theo Hợp đồng tín dụng số 009/01/09 ngày 08 tháng 01 năm 2009 và đáo hạn ngày 08 tháng 01 năm 2010. Việc tất toán khoản vay này làm phát sinh một khoản chênh lệch giá thanh toán tương đối lớn, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm tài chính tiếp theo. Đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2010, Công ty vẫn chưa tất toán khoản nợ vay này.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Phát Minh	Chủ tịch	05 tháng 11 năm 2009	
Ông Đào Xuân Đức	Ủy viên	05 tháng 11 năm 2009	
Ông Trương Tiến Dũng	Ủy viên	01 tháng 8 năm 2009	
Ông Phùng Công Trí Dũng	Ủy viên	11 tháng 12 năm 2010	
Ông Tạ Bá Thuyết	Ủy viên	25 tháng 11 năm 2006	11 tháng 12 năm 2010
Ông Nguyễn Ngọc Tuấn	Ủy viên	05 tháng 11 năm 2009	11 tháng 12 năm 2010

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Lâm Vinh Huy	Trưởng ban	05 tháng 11 năm 2009	
Ông Phan Minh Thắng	Thành viên	11 tháng 12 năm 2010	
Bà Đoàn Thị Thu Hà	Thành viên	05 tháng 11 năm 2009	11 tháng 12 năm 2010
Ông Nguyễn Anh Tùng	Thành viên	05 tháng 11 năm 2009	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trương Tiến Dũng	Tổng Giám đốc	01 tháng 8 năm 2009	
Ông Nguyễn Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc	02 tháng 01 năm 2007	
Ông Đào Quốc Hải	Phó Tổng Giám đốc	02 tháng 01 năm 2007	
Ông Nguyễn Văn Công Hậu	Phó Tổng Giám đốc	02 tháng 01 năm 2007	01 tháng 9 năm 2010
Ông Lê Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 4 năm 2008	01 tháng 9 năm 2010

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Giải pháp Công nghệ thông tin Đại Nam (GS-Audit) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, GS-Audit bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

XÁC NHẬN CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Chúng tôi, các thành viên của Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận rằng, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

(đã ký và đóng dấu)

TRƯƠNG TIẾN DŨNG

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 05 tháng 4 năm 2011

Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên mọi phương diện trọng yếu, ngoại trừ hạn chế nêu trên và các ảnh hưởng (nếu có) đến các chỉ tiêu có liên quan khác trên Báo cáo tài chính năm 2010, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy Hải sản Sài Gòn, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến trình bày ở trên, chúng tôi xin lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty đã phải chịu một khoản lỗ lũy kế là 240.624.866.252 VND làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 150.483.450.138 VND, và tại thời điểm này, các khoản công nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 218.920.112.511 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính năm 2010 được lập dựa trên giả thiết về khả năng hoạt động liên tục do có cam kết tài trợ vốn từ chủ sở hữu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Giải pháp Công nghệ thông tin Đại Nam (GS-Audit)

(đã ký và đóng dấu)

(đã ký)

Nguyễn Quang Toàn - Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1057/KTV

Phạm Quốc Tuấn - Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1205/KTV

TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 05 tháng 4 năm 2011

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

				Đơn vị tính: VND	
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		90.224.921.308	105.983.716.076	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	16.194.635.944	6.344.016.578	
1. Tiền	111		6.194.635.944	6.344.016.578	
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		59.048.776.134	75.584.063.186	
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	105.662.456.509	103.155.786.746	
2. Trả trước cho người bán	132	V.03	8.186.748.234	11.750.345.259	
3. Các khoản phải thu khác	135	V.04	40.946.991.823	38.135.313.108	
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.05	(95.747.420.432)	(77.457.381.927)	
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	13.630.828.296	15.005.067.010	
1. Hàng tồn kho	141		14.061.236.483	16.595.671.814	
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(430.408.187)	(1.590.604.804)	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.350.680.934	9.050.569.302	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	139.300.000	29.747.848	
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		51.223.165	273.680.691	
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	V.08	283.142.199	10.656.154	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.09	877.015.570	8.736.484.609	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		69.943.056.373	79.165.819.402	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-	
II. Tài sản cố định	220		53.567.758.391	59.712.178.093	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	53.567.758.391	56.765.769.348	
<i>Nguyên giá</i>	222		88.972.779.093	86.501.605.194	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(35.405.020.702)	(29.735.835.846)	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	2.946.408.745	
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	1.300.000.000	
1. Đầu tư dài hạn khác	258		-	1.300.000.000	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư TC dài hạn	259		-	-	
V. Tài sản dài hạn khác	260		16.375.297.982	18.153.641.309	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	16.375.297.982	18.089.691.309	
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	63.950.000	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		160.167.977.681	185.149.535.478	

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		310.651.427.819	290.023.812.247
I. Nợ ngắn hạn	310		309.145.033.819	289.065.275.914
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	215.010.780.000	220.248.376.660
2. Phải trả người bán	312	V.13	5.081.007.661	8.451.721.797
3. Người mua trả tiền trước	313	V.14	7.624.826.595	9.167.148.916
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.15	261.304.822	186.565.398
5. Phải trả người lao động	315	V.16	4.254.201.296	2.663.987.554
6. Chi phí phải trả	316	V.17	2.412.438.150	1.540.161.486
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	74.345.396.874	46.607.535.682
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	155.078.421	199.778.421
II. Nợ dài hạn	330		1.506.394.000	958.536.333
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.20	1.069.450.000	467.133.333
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.21	436.944.000	491.403.000
3. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(150.483.450.138)	(104.874.276.769)
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	(150.483.450.138)	(104.874.276.769)
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		88.000.000.000	88.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		309.593.813	(7.862.311)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.621.017.335	1.621.017.335
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		210.804.966	210.804.966
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(240.624.866.252)	(194.698.236.759)
6. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		160.167.977.681	185.149.535.478

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký và đóng dấu)

ĐOÀN THỊ THU HÀ
 Người lập biểu

PHẠM NGUYỆT ÁNH
 Kế toán trưởng

TRƯƠNG TIẾN DŨNG
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	157.948.431.134	308.891.043.309
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		343.139.529	5.037.500.912
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	157.605.291.605	303.853.542.397
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	123.310.290.550	289.108.274.173
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.295.001.055	14.745.268.224
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	5.681.614.857	12.839.413.647
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	37.110.672.490	40.395.319.526
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		36.849.428.810	39.373.020.861
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	16.489.480.736	19.469.865.547
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	32.919.815.920	28.363.294.679
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(46.543.353.234)	(60.643.797.881)
11. Thu nhập khác	31	VI.07	7.194.156.723	4.980.347.561
12. Chi phí khác	32	VI.08	5.082.610.409	2.415.442.188
13. Lợi nhuận khác	40		2.111.546.314	2.564.905.373
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(44.431.806.920)	(58.078.892.508)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		173.028.796	305.215.931
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.09	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(44.604.835.716)	(58.384.108.439)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký và đóng dấu)

ĐOÀN THỊ THU HÀ
Người lập biểu

PHẠM NGUYỆT ÁNH
Kế toán trưởng

TRƯƠNG TIẾN DŨNG
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		169.413.444.698	92.888.096.495
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH&DV	02		(116.329.365.670)	(45.199.395.815)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(34.295.994.232)	(29.607.951.488)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(3.217.003.639)	(29.250.870.785)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(175.332.015)	(2.787.869.033)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		169.944.698.264	545.729.726.425
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(181.173.069.990)	(442.521.441.042)
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh	20		4.167.377.416	89.250.294.757
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(3.536.525.755)	(512.835.772)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.016.877.458	1.275.454.545
3. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1.300.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào Đ/vị khác	26		1.300.000.000	-
5. Tiền thu lãi ngân hàng	27		-	394.926.588
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	30		780.351.703	(142.454.639)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	31		13.232.336.067	443.821.962.996
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	32		(18.469.932.727)	(538.816.683.615)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	33		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính	40		(5.237.596.660)	(94.994.720.619)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(289.867.541)	(5.886.880.501)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	6.344.016.578	12.067.504.230
Ảnh hưởng của thay đổi TGHD quy đổi ngoại tệ	61		140.486.907	77.917.578
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	6.194.635.944	6.258.541.307

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký và đóng dấu)

ĐOÀN THỊ THU HÀ
Người lập biểu

PHẠM NGUYỆT ÁNH
Kế toán trưởng

TRƯƠNG TIẾN DŨNG
Tổng Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2010

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 của Công ty cổ phần Kinh doanh Thủy hải sản Sài Gòn (gọi tắt là “Công ty”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
 - Nuôi trồng thủy sản;
 - Mua bán vật tư phục vụ ngành nuôi trồng thủy sản;
 - Mua bán, chế biến thủy hải sản;
 - Gia công các mặt hàng thủy hải sản;
 - Sản xuất, mua bán thức ăn gia súc;
 - Chế biến nước mắm, nước chấm;
 - Sản xuất nước đá;
 - Gia công hàng may mặc, các sản phẩm bằng kim loại;
 - Sản xuất, mua bán gas NH₃;
 - Sản xuất các loại cấu kiện từ panel, nhựa xốp, gia công lắp ráp các nhà kho chứa, kho lạnh, khung nhà tiền chế, các loại vách ngăn cách nhiệt, các tấm trần bằng cấu kiện panel và tole trần nhựa, các loại bao bì, các loại hộp thực phẩm và thức ăn bằng nhựa xốp;
 - Mua bán xăng, dầu, nhớt các loại;
 - Kinh doanh ăn uống các mặt hàng thủy hải sản tươi sống và chế biến;
 - Mua bán bao bì, panel nhựa xốp;
 - Mua bán cấu kiện, thiết bị lạnh;
 - Mua bán thực phẩm, công nghệ phẩm, kim khí, điện máy, xe máy, vật tư phục vụ sản xuất, nông sản, phương tiện vận tải chuyên dùng;
 - Mua bán thiết bị, máy móc, vật tư, nguyên liệu ngư lưới cụ, rượu;
 - Ăn uống, nhà nghỉ, massage, xông hơi, sân tennis;
 - Dịch vụ bảo quản hàng đông lạnh xuất khẩu, sửa chữa cơ điện lạnh;
 - Cano lướt ván, chèo thuyền, câu cá, giải trí;
 - Cho thuê kho, bãi.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm 2010 là năm tài chính thứ tư (04) của Công ty khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25
Máy móc và thiết bị	04 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 12
Thiết bị văn phòng	04 - 06
Tài sản cố định khác	04 - 12

6. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

7. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả phải nộp khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

9. Chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

10. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

11. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

12. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

13. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục nợ phải thu dài hạn, các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Đối với chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ là: tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, các khoản nợ ngắn hạn (1 năm trở xuống) có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập báo cáo tài chính được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (Chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái).

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày:	31/12/2009	: 17.941 VND/USD
	31/12/2010	: 18.932 VND/USD

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	68.013.000	172.334.000
Tiền gửi ngân hàng	6.126.622.944	6.171.682.578
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
Cộng	<u>16.194.635.944</u>	<u>6.344.016.578</u>

2. Phải thu khách hàng

Đối tượng khách hàng phải thu là các tổ chức, cá nhân có quan hệ mua hàng trong nước. Chi tiết công nợ phải thu như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Bảo Vinh (*)	50.793.016.862	50.793.016.862
H & S Seafood Trading Inc	10.128.816.514	5.343.088.330
Công ty TNHH SX TM Chợ Lớn	3.370.072.024	4.023.370.888
Công ty TNHH Việt Hùng	1.449.131.222	2.081.228.811
Ông Hồ Hữu Trí	7.659.225.191	7.532.414.358
Ông Hồ Văn Vàng	4.051.340.517	4.514.629.552
DNTN TM Thủy sản Trung Nam	1.891.453.600	1.891.453.600
Ông Nguyễn Văn Nhân	3.134.135.392	4.752.515.392
Các đối tượng khác	23.185.265.187	22.224.068.953
Cộng	<u>105.662.456.509</u>	<u>103.155.786.746</u>

(*) Khoản phải thu của Công ty cổ phần Bảo Vinh (trước đây là Công ty TNHH Bảo Vinh) tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 50.793.016.862 VND. Đây là khoản công nợ phát sinh rủi ro trong việc thu hồi và đã được Trung tâm trọng tài Thương mại TP. Hồ Chí Minh hòa giải theo Quyết định số 04/2008/QĐ-TT-HGT ngày 29 tháng 10 năm 2008. Công ty đánh giá khoản công nợ khó có khả năng thu hồi nên đã quyết định trích lập dự phòng 100% trong năm tài chính 2008.

Trong các khoản phải thu khách hàng bao gồm các khoản nợ khó đòi là 82.255.975.549 VND (trong đó hoạt động nuôi cá là trong đó hoạt động nuôi cá là 16.486.392.263 VND). Công ty đã

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

lập dự phòng các khoản phải thu khách hàng khó đòi này là 75.262.084.052 VND (trong đó hoạt động nuôi cá là 11.540.474.584 VND) dựa theo khả năng thu hồi nợ và thời gian nợ.

Các khoản phải thu khách hàng chưa được đối chiếu, xác nhận đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 6.504.960.709 VND (trong đó khoản nợ phải thu khách hàng chưa đối chiếu, xác nhận của hoạt động nuôi cá là 2.746.378.933 VND).

Chi tiết các khoản phải thu khách hàng chưa đối chiếu, xác nhận theo tuổi nợ như sau:

Từ 2 năm đến dưới 3 năm	565.809.526
Từ 3 năm trở lên	5.939.151.183
Cộng	<u>6.504.960.709</u>

3. Trả trước cho người bán

Các khoản ứng trước tiền mua sản phẩm, dịch vụ cho nhà cung cấp là các tổ chức, cá nhân. Chi tiết công nợ như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
CN Tổng Công ty XD - CN Việt Nam tại Miền Nam	1.169.785.695	1.169.785.695
Ông Bùi Văn Tùng	2.300.000.000	2.300.000.000
Ông Trần Văn Minh	2.900.000.000	2.900.000.000
DNTN Hào Huệ	415.701.035	415.701.035
Công ty cổ phần Bảo Nhật Anh	429.000.000	-
Công ty TNHH TMQT Việt Long	500.000.000	300.000.000
DNTN Kim Bằng	150.000.000	150.000.000
Các đối tượng khác	322.261.504	4.514.858.529
Cộng	<u>8.186.748.234</u>	<u>11.750.345.259</u>

Trong các khoản trả trước cho người bán bao gồm khoản nợ khó đòi là 5.830.542.436 VND (trong đó hoạt động nuôi cá là 5.200.000.000 VND). Công ty đã lập dự phòng các khoản trả trước cho người bán khó đòi này là 5.811.090.016 VND (trong đó hoạt động nuôi cá là 5.200.000.000 VND) dựa theo khả năng thu hồi nợ và thời gian nợ.

4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Trương Văn Ruồng	7.845.270.151	8.535.270.151
Ông Võ Lương Phương Trọng	7.695.233.856	7.555.589.088
Ông Phan Trọng Hiệp	6.907.377.240	-
Ông Trần Văn Tạo	2.908.052.011	3.058.052.011
Ông Trần Văn Út	2.549.673.775	2.549.673.775
Ông Bùi Văn Tùng	1.581.495.000	1.250.295.000
Ông Nguyễn Văn Nhân	1.032.697.984	657.990.601
Ông Trần Văn Minh	1.622.666.667	1.205.066.667
Các đối tượng khác	8.804.525.139	13.323.375.815
Cộng	<u>40.946.991.823</u>	<u>38.135.313.108</u>

Trong các khoản phải thu khác bao gồm các khoản nợ khó đòi là 24.670.340.300 VND (trong đó hoạt động nuôi cá là 22.714.663.010 VND). Công ty đã lập dự phòng các khoản phải thu khác khó đòi này là 13.991.333.197 VND (trong đó hoạt động nuôi cá là 12.934.462.353 VND) dựa theo khả năng thu hồi nợ và thời gian nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản phải thu khác chưa được đối chiếu, xác nhận đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 25.131.413.009 VND (trong đó khoản nợ phải thu khác chưa đối chiếu, xác nhận của hoạt động nuôi cá là 24.344.233.111 VND bao gồm: nợ gốc là 16.675.352.590 VND; lãi vay là 6.726.048.396 VND và lợi nhuận khoán là 942.832.125 VND).

Chi tiết các khoản phải thu khác chưa đối chiếu, xác nhận theo tuổi nợ như sau:

Từ 2 năm đến dưới 3 năm	8.816.955.186
Từ 3 năm trở lên	16.314.457.823
Cộng	<u>25.131.413.009</u>

5. Dự phòng phải thu khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Bảo Vinh	50.793.016.862	50.793.016.862
Công ty TNHH SX TM Chợ Lớn	2.359.050.417	1.130.052.836
Nguyen International GMBH	1.543.935.944	1.605.119.732
Công ty TNHH Việt Hùng	1.207.714.363	1.207.714.363
DNTN TM Thủy sản Trung Nam	1.891.453.600	1.891.453.600
Ông Hồ Hữu Trí	5.361.457.634	2.259.724.000
Ông Hồ Văn Vàng	2.835.938.362	1.354.388.000
Ông Nguyễn Văn Nhân	2.193.894.774	1.623.151.798
Ông Trương Văn Ruông	5.491.689.106	2.560.581.045
Ông Trần Văn Minh	3.165.866.667	1.231.520.000
Ông Trần Văn Tạo	2.035.636.408	959.936.150
Các đối tượng khác	16.867.766.295	10.840.723.541
Cộng	<u>95.747.420.432</u>	<u>77.457.381.927</u>

6. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	3.277.146.389	1.883.384.764
Công cụ, dụng cụ	11.981.899	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.172.491.035	3.755.385.299
Thành phẩm	7.510.294.933	9.299.856.345
Hàng hóa	89.322.227	1.657.045.406
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	14.061.236.483	16.595.671.814
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(430.408.187)	(1.590.604.804)
Giá trị thuần có thể thực hiện	<u>13.630.828.296</u>	<u>15.005.067.010</u>

7. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác phục vụ cho hoạt động Công ty.

Số đầu năm	29.747.848
Tăng trong năm	1.059.607.757
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm	(950.055.605)
Số cuối năm	<u>139.300.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**8. Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế GTGT phải nộp	272.486.045	-
Thuế nhập khẩu	10.656.154	10.656.154
Cộng	<u>283.142.199</u>	<u>10.656.154</u>

9. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	7.103.820.641
Tạm ứng	810.782.810	1.604.431.208
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	66.232.760	28.232.760
Cộng	<u>877.015.570</u>	<u>8.736.484.609</u>

10. Tài sản cố định hữu hình

Bảng chi tiết tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định:

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Tài sản cố định khác</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá						
Số đầu năm	37.956.795.965	37.963.297.751	7.151.839.870	458.578.102	2.971.093.506	86.501.605.194
Tăng trong năm	-	1.081.803.028	744.722.727	-	1.710.000.000	3.536.525.755
<i>Mua sắm mới</i>	-	1.081.803.028	744.722.727	-	1.710.000.000	3.536.525.755
Giảm trong năm	-	(80.475.000)	(913.353.660)	(71.523.196)	-	(1.065.351.856)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(80.475.000)	(913.353.660)	(71.523.196)	-	(1.065.351.856)
Số cuối năm	<u>37.956.795.965</u>	<u>38.964.625.779</u>	<u>6.983.208.937</u>	<u>387.054.906</u>	<u>4.681.093.506</u>	<u>88.972.779.093</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng	-	4.760.749.578	562.946.564	56.102.685	1.819.105.979	7.198.904.806
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	6.185.428.521	17.310.609.129	3.851.130.822	248.225.861	2.140.441.513	29.735.835.846
Tăng trong năm	1.560.494.088	3.729.886.652	711.866.931	49.369.490	487.183.553	6.538.800.714
<i>Khấu hao trong năm</i>	1.560.494.088	3.729.886.652	711.866.931	49.369.490	487.183.553	6.538.800.714
Giảm trong năm	-	(80.475.000)	(740.684.915)	(48.455.943)	-	(869.615.858)
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	(80.475.000)	(740.684.915)	(48.455.943)	-	(869.615.858)
Số cuối năm	<u>7.745.922.609</u>	<u>20.960.020.781</u>	<u>3.822.312.838</u>	<u>249.139.408</u>	<u>2.627.625.066</u>	<u>35.405.020.702</u>
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	31.771.367.444	20.652.688.622	3.300.709.048	210.352.241	830.651.993	56.765.769.348
Số cuối năm	<u>30.210.873.356</u>	<u>18.004.604.998</u>	<u>3.160.896.099</u>	<u>137.915.498</u>	<u>2.053.468.440</u>	<u>53.567.758.391</u>

Toàn bộ tài sản nhà của tại Công ty đã được thế chấp đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng và tổ chức cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí thuê đất tại khu công nghiệp, chi phí thuê đào ao, chi phí thuê quây chợ Bình Điền, chi phí công cụ, dụng cụ và các chi phí khác phục vụ cho hoạt động Công ty.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Tạo	13.126.510.808	13.491.136.100
Tiền thuê đào ao và thuê quây chợ Bình Điền	3.197.877.014	4.416.812.203
Công cụ dụng cụ và chi phí khác	50.910.160	181.743.006
Cộng	<u>16.375.297.982</u>	<u>18.089.691.309</u>

Chi tiết phân bổ chi phí trả trước dài hạn như sau:

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Kết chuyển vào	
			Kết chuyển vào	Số cuối năm
Tiền thuê đất tại Khu công nghiệp Tân Tạo	13.491.136.100	-	364.625.292	13.126.510.808
Tiền thuê đào ao và thuê quây chợ Bình Điền	4.416.812.203	507.979.788	1.726.914.977	3.197.877.014
Công cụ dụng cụ và chi phí khác	181.743.006	70.490.990	201.323.836	50.910.160
Cộng	<u>18.089.691.309</u>	<u>578.470.778</u>	<u>2.292.864.105</u>	<u>16.375.297.982</u>

12. Vay và nợ ngắn hạn

Số tiền Công ty vay của các Ngân hàng và tổ chức nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	<u>215.010.780.000</u>	<u>220.248.376.660</u>
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN. Bình Tây	-	937.596.660
Ngân hàng TMCP Phương Nam - CN. Chợ Lớn	206.010.780.000	206.010.780.000
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	9.000.000.000	9.000.000.000
Công ty cổ phần Thủy sản Sài Gòn Cao Lãnh	-	4.300.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	<u>-</u>	<u>-</u>
Cộng	<u>215.010.780.000</u>	<u>220.248.376.660</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

Đối tượng cho vay	Số đầu năm	Số tiền vay phát		Số cuối năm
		sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	
Vay ngắn hạn	<u>220.248.376.660</u>	<u>13.232.336.067</u>	<u>18.469.932.727</u>	<u>215.010.780.000</u>
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - CN. Bình Tây	937.596.660	13.232.336.067	14.169.932.727	-
Ngân hàng TMCP Phương Nam - CN. Chợ Lớn	206.010.780.000	-	-	206.010.780.000
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	9.000.000.000	-	-	9.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối tượng cho vay	Số tiền vay phát		Số tiền vay đã	Số cuối năm
	Số đầu năm	sinh trong năm	trả trong năm	
Công ty CP Thủy sản Sài Gòn Cao Lãnh	4.300.000.000	-	4.300.000.000	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-
Tổng cộng	220.248.376.660	13.232.336.067	18.469.932.727	215.010.780.000

13. Phải trả người bán

Các khoản còn phải trả cho các đối tượng là tổ chức, pháp nhân có quan hệ cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho Công ty. Chi tiết các khoản phải trả người bán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Bà Hứa Thị Thanh Đào	1.054.813.558	1.054.813.558
Bà Ngô Thị Thanh Thúy	1.080.832.850	609.459.950
Công ty TNHH Thủy sản Đức Thành	114.793.580	16.874.260
Bà Hồ Thị Hương	376.906.340	-
Ông Nguyễn Quốc Thanh	230.880.000	-
DNTN Hải Duy	-	1.806.527.250
Các đối tượng khác	2.222.781.333	5.116.682.779
Cộng	5.081.007.661	8.451.721.797

14. Người mua trả tiền trước

Khoản tiền nhận trước từ các cá nhân, tổ chức, pháp nhân để cung cấp dịch vụ, hàng hóa theo các cam kết đã thỏa thuận trước. Chi tiết các khoản người mua trả tiền trước tại văn phòng và các đơn vị trực thuộc như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chen Co Foods	1.366.514.410	1.261.865.469
Petrosnab Co., Ltd.	3.275.425.320	-
Bà Hứa Thị Thanh Đào	1.684.000.000	1.684.000.000
Công ty cổ phần Hùng Vương (Mỹ Tho)	600.000.000	600.000.000
Bà Bùi Thị Tuyết Anh	-	1.810.000.000
Các đối tượng khác	698.886.865	3.811.283.447
Cộng	7.624.826.595	9.167.148.916

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế phải nộp Nhà nước	185.880.797	111.141.373
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	75.813.467
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.429.437	7.732.656
Thuế thu nhập cá nhân	16.228.298	4.669.330
Thuế tài nguyên	184.000	95.200
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	164.039.062	22.830.720
Các khoản phải nộp khác	75.424.025	75.424.025
Cộng	261.304.822	186.565.398

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

+ **Thuế giá trị gia tăng**

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành theo phương pháp khấu trừ thuế.

Thuế suất áp dụng:

- Hàng xuất khẩu	:	0%
- Hải sản qua sơ chế	:	5%
- Dịch vụ cho thuê kho, lưu kho	:	10%

Thuế giá trị gia tăng phát sinh trong năm bao gồm hoạt động tự doanh và hoạt động nhận ủy thác nhập khẩu.

+ **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty áp dụng thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế.

Xem Thuyết minh số IV.13.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ tư (04) Công ty chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần. Năm 2010 Công ty không phải dự tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp vì hoạt động chính của Công ty bị lỗ, tuy nhiên trong năm Công ty có phát sinh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của hoạt động kinh doanh nhà hàng nộp theo phương pháp trực tiếp.

Số thuế thu nhập doanh nghiệp Công ty chính thức phải trích nộp khi có thanh quyết toán của Cơ quan thuế vụ.

+ **Thuế nhà đất, tiền thuê đất**

Thuế nhà đất, tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

+ **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

16. **Phải trả người lao động**

Tiền lương còn phải thanh toán cho người lao động công ty.

17. **Chi phí phải trả**

Khoản chi phí trích trước phải trả cho các đối tượng cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho Công ty.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng Công ty	1.284.708.759	40.419.418
Trung tâm Kinh doanh và dịch vụ APT	212.131.772	248.903.868
Xí nghiệp kinh doanh nuôi trồng Thủy sản	865.618.855	1.250.838.200
Cửa hàng Bình Điền	49.978.764	-
Cộng	<u>2.412.438.150</u>	<u>1.540.161.486</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	7.210.063
Kinh phí công đoàn	-	113.337.650
Phải trả về cổ phần hóa	11.267.612.814	11.267.612.814
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	23.244.687.464	24.971.105.499
Ngân hàng TMCP Phương Nam	29.776.353.377	-
Cổ tức phải trả các cổ đông	2.059.613.900	2.059.613.900
Các khoản phải trả, phải nộp khác	<u>7.997.129.319</u>	<u>8.188.655.756</u>
Cộng	<u>74.345.396.874</u>	<u>46.607.535.682</u>

Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn chưa được đối chiếu, xác nhận đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 8.038.508.255 VND (trong đó: khoản nợ phát sinh giai đoạn trước cổ phần là 7.602.827.966 VND). Chi tiết theo tuổi nợ như sau:

Dưới 1 năm	49.374.000
Từ 3 năm trở lên	<u>7.989.134.255</u>
Cộng	<u>8.038.508.255</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng khác trong năm</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	183.033.377	3.600.000	48.300.000	138.333.377
Quỹ phúc lợi	16.745.044	-	-	16.745.044
Cộng	<u>199.778.421</u>	<u>3.600.000</u>	<u>48.300.000</u>	<u>155.078.421</u>

20. Phải trả dài hạn khác

Khoản nhận ký quỹ, ký cược của các tổ chức, cá nhân có quan hệ kinh doanh với Công ty.

21. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	491.403.000
Số trích lập trong năm	498.378.276
Số chi trong năm	<u>(552.837.276)</u>
Cộng	<u>436.944.000</u>

22. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư				Lợi nhuận sau
	của chủ	Chênh lệch tỷ	Quỹ đầu tư	Quỹ dự phòng	thuế chưa phân
	sở hữu	giá hối đoái	phát triển	tài chính	phối
Số dư đầu năm trước	88.000.000.000	-	1.621.017.335	210.804.966	(135.214.128.320)
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	(7.862.311)	-	-	-
Lỗi tăng năm trước	-	-	-	-	(58.384.108.439)
Giảm khác	-	-	-	-	(1.100.000.000)
Số dư cuối năm	<u>88.000.000.000</u>	<u>(7.862.311)</u>	<u>1.621.017.335</u>	<u>210.804.966</u>	<u>(194.698.236.759)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
trước (Đầu năm nay)						
Lỗi chênh lệch tỷ giá	-	317.456.124	-	-	-	-
Lỗi năm nay	-	-	-	-	-	(44.604.835.716)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(1.321.793.777)
Số dư cuối năm nay	88.000.000.000	309.593.813	1.621.017.335	210.804.966	(240.624.866.252)	

Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên Cổ đông sáng lập	Theo Giấy chứng nhận ĐKKD		Số vốn đã góp đến cuối năm	Tỷ lệ (%)
	Số cổ phần	Thành tiền		
Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn	2.640.198	26.401.980.000	26.401.980.000	100,00
Ông Trần Phát Minh	3.207.602	32.076.020.000	32.076.020.000	100,00
Ông Tạ Bá Thuyết	500.000	5.000.000.000	5.000.000.000	100,00
Các cổ đông khác	2.452.200	24.522.000.000	24.522.000.000	100,00
Cộng	8.800.000	88.000.000.000	88.000.000.000	100,00

Mục đích trích lập quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	157.948.431.134	308.891.043.309
- Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm	106.880.846.929	261.004.935.425
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	51.067.584.205	47.886.107.884
Các khoản giảm trừ doanh thu	343.139.529	5.037.500.912
- Hàng bán bị trả lại	141.692.743	4.800.573.724
- Giảm giá hàng bán	143.770.520	172.957.388
- Thuế GTGT phải nộp (phương pháp trực tiếp)	57.676.266	63.969.800
Doanh thu thuần	157.605.291.605	303.853.542.397
Trong đó:		
- Doanh thu thuần bán hàng hóa	106.537.707.400	255.967.434.513
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	51.067.584.205	47.886.107.884

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa và thành phẩm đã cung cấp	92.071.186.759	251.635.306.876
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	31.239.103.791	37.472.967.297
Cộng	<u>123.310.290.550</u>	<u>289.108.274.173</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	780.961.076	394.926.588
Lãi trả chậm của các hộ nuôi trồng	4.187.609.137	10.932.306.586
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	705.517.536	1.511.559.413
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.527.108	621.060
Cộng	<u>5.681.614.857</u>	<u>12.839.413.647</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	36.849.428.810	39.373.020.861
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	153.678.963	1.015.190.665
Chi phí tài chính khác	107.564.717	7.108.000
Cộng	<u>37.110.672.490</u>	<u>40.395.319.526</u>

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	5.119.626.700	6.961.459.290
Chi phí vật liệu bao bì	489.536.642	219.438.911
Chi phí công cụ, đồ dùng	57.338.353	320.057.063
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.848.179.442	960.127.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.212.242.817	8.333.646.053
Các chi phí bằng tiền khác	5.762.556.782	2.675.137.005
Cộng	<u>16.489.480.736</u>	<u>19.469.865.547</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.653.566.837	6.298.820.708
Chi phí nguyên vật liệu, công cụ đồ dùng	463.614.424	256.305.640
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.016.595.020	600.994.386
Thuế, phí và lệ phí	71.905.839	545.436.799
Chi phí dự phòng	20.361.798.907	16.838.061.774
Các chi phí dịch vụ mua ngoài và bằng tiền khác	4.352.334.893	3.823.675.372
Cộng	<u>32.919.815.920</u>	<u>28.363.294.679</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền chuyển quyền sử dụng đất	2.946.408.745	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	876.181.816	1.275.454.545
Thu từ xử lý hàng thừa	261.245.251	275.387.067
Thu nhập khác	3.110.320.911	3.429.505.949
Cộng	<u>7.194.156.723</u>	<u>4.980.347.561</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản cố định	195.735.998	315.589.424
Giá trị còn lại quyền sử dụng đất	2.946.408.745	-
Chi phí thanh lý tài sản cố định	-	33.170.000
Chi xử lý công nợ	1.895.822.284	1.702.697.050
Chi phí khác	44.643.382	363.985.714
Cộng	<u>5.082.610.409</u>	<u>2.415.442.188</u>

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận do không có các khoản chênh lệch tạm thời lớn giữa cơ sở tính thuế giữa các khoản mục tài sản và nợ và giá trị ghi sổ của các khoản mục đó trong báo cáo tài chính.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Khả năng hoạt động liên tục

Đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty đã phải chịu một khoản lỗ lũy kế là 240.624.866.252 VND làm âm nguồn vốn chủ sở hữu 150.483.450.138 VND và tại thời điểm này, các khoản công nợ ngắn hạn lớn hơn tài sản ngắn hạn là 218.920.112.511 VND. Các yếu tố này có thể ảnh hưởng đến khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính năm 2010 được lập dựa trên giả thiết về khả năng hoạt động liên tục do có cam kết tài trợ vốn từ chủ sở hữu.

2. Thay đổi chính sách kế toán

Công ty cũng áp dụng Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Số liệu theo Báo cáo		
	Mã	tài chính đã được	Số liệu điều
	số	kiểm toán năm trước	chỉnh lại
<i>Bảng cân đối kế toán</i>			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	199.778.421

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH THỦY HẢI SẢN SÀI GÒN

Địa chỉ: Lô 4-6-8, đường số 1A, KCN Tân Tạo, phường Tân Tạo A, quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	56,33	57,24
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	43,67	42,76
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	193,95	156,54
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	(93,95)	(56,54)
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,52	0,64
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	0,29	0,37
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,05	0,02
Tốc độ chu chuyển vốn lưu động			
Doanh thu thuần/Tài sản ngắn hạn bình quân	Vòng/Lần	1,61	1,37

4. Thông tin khác

Khoản lỗ chênh lệch giá vàng đối với khoản vay ngắn hạn 5.833 lượng vàng SJC tại Ngân hàng TMCP Phương Nam - Chi nhánh Chợ Lớn theo Hợp đồng tín dụng số 009/01/09 ngày 08 tháng 01 năm 2009 và đáo hạn ngày 08 tháng 01 năm 2010 tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2010 với số tiền ước tính là 103.010.780.000 VND chưa được ghi nhận do Chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành chưa quy định và hướng dẫn.

Năm tài chính 2010, Công ty xử lý và hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2011

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký và đóng dấu)

ĐOÀN THỊ THU HÀ
Người lập biểu

PHẠM NGUYỆT ÁNH
Kế toán trưởng

TRƯƠNG TIẾN DŨNG
Tổng Giám đốc